

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ



---□□□---

HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lớp: POLI200402 - Đợt 1

Tên đề tài: So sánh con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX

Giảng viên hướng dẫn: Cô Tô Thị Hạnh Nhân

NHÓM 1

Nguyễn Ngọc Thảo An – 47.01.401.070 (Nhóm trưởng)

Võ Phan Thuý An – 47.01.616.043

Nguyễn Văn Anh – 4501612006

Nguyễn Văn Anh – 47.01.754.064

Vương Nhật Anh – 47.01.609.029

Trần Thị Hồng Ánh – 47.01.756.037

Lâm Quốc Bảo – 47.01.104.048

Phùng Lưu Trung Bảo – 46.01.754.011

Lê Huỳnh Ngọc Bắc – 47.01.104.046

Hồ Thị Ngọc Cẩm – 47.01.616.055

MỤC LỤC

Trang

1. Bối cảnh lịch sử.....	3
1.1. Tình hình quốc tế.....	3
1.2. Tình hình trong nước.....	3
2. Sơ lược các con đường cứu nước.....	4
2.1. Con đường cứu nước theo lập trường Cần Vương.....	4
2.2. Con đường cứu nước theo lập trường tư sản, tiểu tư sản Việt Nam.....	8
2.3. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.....	10
3. So sánh con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX.....	13
3.1. Điểm giống nhau.....	13
3.2. Điểm khác nhau và nguyên nhân.....	13
4. Nhận xét, đánh giá.....	14

BÀI LÀM

1. Bối cảnh lịch sử

1.1. Tình hình quốc tế

Chủ nghĩa đế quốc (các nước tư bản Âu – Mỹ) đã đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ để biến các quốc gia này thành thuộc địa. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa tư bản, thực dân.

=> *Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.*

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới, thắng lợi của cuộc Cách mạng không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Quốc tế Cộng sản (3/1919) được thành lập do Lênin đứng đầu. Quốc tế Cộng Sản đã tiến hành hoạt động truyền bá tư tưởng các mạng vô sản và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản.

Đại hội II của Quốc tế Cộng Sản (1920) đã thông qua Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa do Lênin khởi xướng.

=> *Cách mạng Tháng Mười Nga và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thúc tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.*

1.2. Tình hình trong nước

1/9/1858 thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, từng bước xâm lược Việt Nam. Trước hành động đó, triều đình nhà Nguyễn đã từng bước thỏa hiệp (hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6/6/1884 với Hiệp ước Patenôt đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp.

=> *Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam không chịu khuất phục, phong trào đấu tranh đã nổ ra liên tục. thực dân Pháp phải dùng vũ lực để đàn áp.*

Dưới tác động của chính sách cai trị và chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc.

Giai cấp địa chủ câu kết với thực dân Pháp tăng cường bóc lột, áp bức nông dân. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hóa. Một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến tiêu biểu là phong trào Cần Vương; một số trở thành lãnh đạo phong trào nông

dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động; một số nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam (khoảng hơn 90% dân số), bị thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Do vậy, ngoài mâu thuẫn giai cấp vốn có với giai cấp địa chủ, nông dân còn có mâu thuẫn sâu sắc với thực dân xâm lược.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, đa số xuất thân từ giai cấp nông dân, có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với giai cấp nông dân, bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột. Tuy nhiên lại sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận có lợi ích gắn liền với tư bản Pháp, một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam bao gồm học sinh, trí thức, tiểu thương có lòng yêu nước, căm thù đế quốc, thực dân, rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, hay dao động thiếu kiên định, do đó họ không thể lãnh đạo cách mạng.

=> Như vậy có thể thấy cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi quan trọng cả về chính trị kinh tế, xã hội. Chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hóa những giai cấp, đồng thời hình thành những giai cấp, tầng lớp mới với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

2. Sơ lược các con đường cứu nước

2.1. Con đường cứu nước theo lập trường Cần Vương

Ngay từ khi Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp đã nổ ra liên tục và rộng khắp. Một trong đó phải kể đến là Phong trào Cần Vương. Phong trào Cần Vương nổ ra vào cuối thế kỷ XIX do đại thần nhà Nguyễn là Tôn Thất Thuyết nhân danh vua Hàm Nghi đề xướng trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Nói về ý nghĩa của phong trào Cần Vương, Cần vương mang nghĩa "giúp vua". Phong trào thu hút được một số các quan lại trong triều đình và văn thân. Ngoài ra, phong trào còn thu hút đông đảo các tầng lớp sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Chiều Cần Vương kêu gọi nhân dân cùng tham gia chống Pháp, khôi phục nền độc lập, khôi phục chế độ phong kiến có vua là người tài giỏi. Khẩu hiệu này đã nhanh chóng thổi lên ngọn lửa tình yêu quê hương và lòng căm thù quân xâm lược của toàn thể nhân dân.

Phong trào Cần Vương nổi bật với các cuộc khởi nghĩa sau:

Khởi nghĩa Ba Đình: là một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX của nhân dân Việt Nam chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp, diễn ra vào năm 1886 -1887 tại Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc khởi nghĩa dưới sự chỉ

huy của Đinh Công Tráng, Phạm Bành, Hoàng Bật Đạt, Nguyễn Đôn Tiết và một số tướng lĩnh khác.

Sau khi nghĩa quân liên tiếp tiến công các phủ, thành, huyện lỵ, chặn đánh các đoàn xe, các toán quân lẻ, gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại, từ 12 - 1886 đến 1 - 1887, có nhiều chuyển biến xấu diễn ra. Lúc này, Pháp tiến công liên tục, quy mô lớn vào căn cứ. Nghĩa quân ta cầm cự suốt 34 ngày đêm. Dưới sức mạnh vũ trang mạnh mẽ từ địch, cuối cùng, khởi nghĩa thất bại nên nghĩa quân rút lên Mã Cao.

Khởi Nghĩa Hương Khê: Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896) là đỉnh cao của phong trào Cần vương, và thất bại của công cuộc này cũng đã đánh dấu sự kết thúc sứ mạng lãnh đạo 10 năm chống thực dân Pháp của tầng lớp sĩ phu phong kiến Việt Nam. Lãnh đạo chính của khởi nghĩa là Đinh nguyên tiến sĩ Phan Đình Phùng, và một cộng sự đắc lực của ông là tướng Cao Thắng. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bao gồm bốn tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình; với địa bàn chính là Hương Khê (Hà Tĩnh), tồn tại suốt 10 năm liên tục.

Có thể tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa thành hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ năm 1885 đến 1888: nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện, xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thảo.

Giai đoạn 2: Từ năm 1888 đến 1895: là thời kì chiến đấu của nghĩa quân. Dựa vào vùng rừng núi hiểm trở, có sự chỉ huy thống nhất, nghĩa quân đã đẩy lui nhiều cuộc hành quân và càn quét của giặc.

Để đối phó Pháp tập trung binh lực và xây dựng 1 hệ thống đồn, bốt nhằm bao vây, cô lập nghĩa quân. Đồng thời chúng mở nhiều cuộc tấn công quy mô vào Ngàn Trươi.

Nghĩa quân phải chiến đấu trong điều kiện ngày càng gian khổ hơn, lực lượng suy yếu dần. Và sau khi chủ tướng Phan Đình Phùng hi sinh, cuộc khởi nghĩa được duy trì thêm một thời gian dài rồi tan rã.

=> *Khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất của phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX, kéo dài suốt 10 năm, có quy mô rộng lớn, có tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công và gây cho quân Pháp tổn thất nặng nề.*

Khởi nghĩa Bãi Sậy: Thời kỳ đầu khởi nghĩa (1883 - 1885), phong trào do Đinh Gia Quế trực tiếp lãnh đạo. Tuy nhiên từ năm 1885 trở đi, vai trò lãnh đạo bị thay đổi và thuộc về Nguyễn Thiện Thuật.

Khởi nghĩa có thể tạm chia thành ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Trước chiến tranh Cần Vương quân Pháp đã đánh chiếm được cả Bắc và Nam kì nước ta. Nhà Nguyễn hạ lệnh các cánh quân chống Pháp hạ vũ khí, Nguyễn Thiện Thuật kháng lệnh triều đình, quyết tâm đánh Pháp.

Nguyễn Thiện Thuật nhiều lần mộ quân, hòng đánh chiếm lại tỉnh lỵ từ tay giặc nhưng không thành. Cuối năm 1883, Nguyễn Thiện Thuật kháng chỉ đầu hàng, mang quân lên Tuyên Quang cùng với Nguyễn Quang Bích giữ thành. Sau khi các thành Hưng Hóa và Lạng Sơn thất thủ, Nguyễn Thiện Thuật chạy sang Long Châu (Trung Quốc) chuẩn bị lực lượng tiếp tục chiến đấu.

Giai đoạn 2: Hưởng ứng chiếu Cần Vương:

Sau cuộc tấn công ở kinh thành Huế đã thất bại, Tôn Thất Thuyết mang vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị). Tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương. Nguyễn Thiện Thuật trở về nước, thành lập căn cứ địa Bãi Sậy. Vua Hàm Nghi phong cho ông làm Bắc Kỳ hiệp thống quân vụ đại thần, gia trấn Trung tướng quân, nên nhân dân còn gọi ông là quan Hiệp thống. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Thiện Thuật, khởi nghĩa Bãi Sậy lan ra khắp tỉnh Hưng Yên và một số tỉnh lân cận.

Ngoài việc chống lại được những đợt càn quét từ giặc, nghĩa quân còn tổ chức nhiều trận tập kích hiệu quả. Nhiều lần không thắng được, quân Pháp phải tặng Nguyễn Thiện Thuật danh hiệu "Vua Bãi Sậy"

Giai đoạn 3: Thoái trào

Từ sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần Vương bắt đầu suy yếu. Sức mạnh của quân Bãi Sậy cũng suy yếu dần. Nghĩa quân phải rút chạy hết nơi này qua nơi khác để tránh sự truy đánh của giặc. Đến năm 1892, khi thủ lĩnh cuối cùng của phong trào Bãi Sậy là Đốc Vinh bị giết, lực lượng nghĩa quân Bãi Sậy tan rã.

Khởi nghĩa Yên Thế: Phong trào diễn ra dưới sự lãnh đạo của người anh hùng áo vải Hoàng Hoa Thám, ở vùng rừng núi Yên Thế - địa bàn trọng yếu về mặt quân sự. Phong trào kéo dài gần 30 năm, song cũng không giành được thắng lợi.

Khởi nghĩa có thể được chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: 1884 - 1892

Khởi nghĩa do Đề Thám chỉ huy, lúc này nghĩa quân hoạt động riêng rẽ, chưa có sự chỉ huy thống nhất.

Tháng 4 - 1892 cuộc khởi nghĩa do Đề Thám chỉ huy

Giai đoạn 2 (1893 - 1908): nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.

Nghĩa quân đã chiến đấu quyết liệt, buộc kẻ thù hai lần phải giảng hòa và nhượng bộ một số điều kiện có lợi cho ta.

Lần giảng hòa thứ nhất: sau khi bắt được tên điền chủ người Pháp - Sét-nay. Đề Thám đã thỏa thuận với Pháp, nghĩa quân đã thả tên điền chủ, trong khi đó Đề Thám phải được cai quản 4 tổng: Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng.

Lần giảng hòa lần thứ hai (12/1897) Đề Thám cho sản xuất ở Phồn Xương, tích lũy lương thực, xây dựng quân đội, sẵn sàng chiến đấu. Nhiều nhà yêu nước đã tìm đến như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

Giai đoạn 3: 1909 - 1913: Sau vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội, Pháp đã dần hiện thấy Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc lính. Vì vậy, Pháp tập trung lực lượng, mở cuộc tấn công quy mô lên Yên Thế.

Sau nhiều trận càn quét của địch, lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Cho đến ngày 10/2/1913 Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

Kết quả các cuộc khởi nghĩa theo Lập trường Cần Vương:

Đêm ngày 30 tháng 12 năm 1888, vua Hàm Nghi bị người Pháp bắt trong lúc mọi người đang ngủ say. Bắt được vua Hàm Nghi, thực dân Pháp ra sức dụ dỗ thuyết phục, mua chuộc nhà vua trẻ cộng tác với chúng nhưng vua Hàm Nghi đã từ chối quyết liệt. Không mua chuộc được vua Hàm Nghi thực dân Pháp quyết định đưa vua Hàm Nghi đi đày tại Algeria, một thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp vẫn tiếp tục. Tuy nhiên, phong trào Cần Vương suy yếu dần; từng cuộc khởi nghĩa lần lượt bị tiêu diệt. Từ cuối năm 1895 đến 1896, khi tiếng súng cuộc khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng thất bại, phong trào Cần Vương coi như chấm dứt.

Bản chất con đường cứu nước của các cuộc khởi nghĩa này:

Khởi nghĩa Yên Thế và lập trường Cần Vương đều là những phong trào đấu tranh giành độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam, tuy nhiên bản chất của hai con đường này khác nhau.

Bản chất con đường cứu nước của Khởi nghĩa Yên Thế:

Khởi nghĩa Yên Thế là một cuộc khởi nghĩa đánh dấu sự khởi đầu của phong trào dân tộc giải phóng Việt Nam trong đầu thế kỷ XX. Bản chất của con đường cứu nước theo Khởi nghĩa Yên Thế là một cuộc kháng chiến quyết liệt chống lại sự thôn tính của đế quốc Pháp. Khởi nghĩa Yên Thế tập trung vào việc tổ chức và củng cố các đội quân dân tộc, sử dụng chiến lược đánh giặc từng bước, tận dụng địa hình, di chuyển nhanh, và xây dựng chính quyền cách mạng để giành độc lập cho đất nước.

Bản chất con đường cứu nước của lập trường Cần Vương:

Lập trường Cần Vương được ra đời vào thế kỷ XIX, với mong muốn tái thiết đất nước sau thời kỳ đô hộ của nhà Nguyễn. Bản chất của con đường cứu nước theo lập trường Cần Vương là một phong trào đấu tranh chính trị dân tộc, nhằm đòi lại quyền tự trị cho dân tộc Việt Nam và đẩy lùi sự thôn tính của thực dân Pháp. Các nhà lãnh đạo của lập trường Cần Vương tập trung vào việc kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân, xây dựng các phong trào và tổ chức dân chủ để đẩy lùi sự ảnh hưởng của nhà Nguyễn và các thực dân.

Khởi nghĩa Yên Thế và lập trường Cần Vương đều phản đối sự chi phối của các thực dân phương Tây và nhà Nguyễn tại Việt Nam. Tuy nhiên, Khởi nghĩa Yên Thế tập trung vào việc chiến đấu trực tiếp với quân Pháp, trong khi lập trường Cần Vương tập trung vào việc đòi lại quyền tự trị cho dân tộc Việt Nam.

Cả hai phong trào này đều có sự ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của phong trào đấu tranh độc lập, tự do và dân chủ của Việt Nam sau này. Những lãnh đạo và anh hùng của hai phong trào này như Phan Châu Trinh, Đỗ Thành Nhơn, Phan Đình Phùng, Lê Đức Thọ đã trở thành những hình mẫu và nguồn cảm hứng cho những thế hệ đấu tranh tiếp theo của dân tộc Việt Nam.

Trong lịch sử Việt Nam, hai phong trào này được xem là hai phong trào cách mạng có sự ảnh hưởng lớn đến cuộc đấu tranh độc lập của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng hai phong trào này đã không đạt được những kết quả như mong đợi vì các lý do khác nhau.

Đặc biệt, lập trường Cần Vương đã không thành công trong việc đẩy lùi sự chi phối của nhà Nguyễn và các thực dân Pháp. Trong khi đó, Khởi nghĩa Yên Thế cũng không đạt

được kết quả cuối cùng vì sự lực lượng bất bình đẳng giữa quân đội Pháp và lực lượng kháng chiến của Việt Nam.

Tuy nhiên, hai phong trào này đã để lại những dấu ấn và giá trị lịch sử quan trọng, đó là sự kiên trì và tinh thần đấu tranh cho độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam.

2.2. Con đường cứu nước theo lập trường tư sản, tiểu tư sản Việt Nam

Đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước của các tầng lớp sĩ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi. Về mặt phương pháp, các tầng lớp sĩ phu lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX có sự phân hoá thành 2 xu hướng đó là: Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh.

Đối với xu hướng bạo động do Phan Bội Châu:

Tổ chức, lãnh đạo: Đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu chủ trương tập hợp lực lượng và phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị theo mô hình quân chủ lập hiến như Nhật Bản. Tư tưởng của ông là dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp và giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước. Ông lập ra Hội Duy Tân (1904), tổ chức phong trào Đông Du (1906 - 1908). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật cầu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đứng đầu phong trào, làm cho chủ trương dựa vào đế quốc Nhật để chống đế quốc Pháp không thành. Giữa lúc đó Cách mạng Tân Hợi bùng nổ và thắng lợi (năm 1911), ông về Trung Quốc lập ra Việt Nam Quang phục Hội (năm 1912), với ý định tập hợp lực lượng rồi kéo quân về nước vũ trang bạo động đánh Pháp, giải phóng dân tộc nhưng rồi cũng không thành công. Năm 1913, Phan Bội Châu bị bắt giam ở Trung Quốc và sau này bị quản chế tại Huế đến năm 1940 thì ông mất tại quê nhà.

Đối với xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh:

Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng không đấu tranh theo phương pháp bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương dùng những cải cách văn hoá “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam. Ở Bắc Kỳ, mở trường học để giảng dạy và học tập theo những nội dung và phương pháp mới, tiêu biểu là trường Đông Kinh nghĩa thực Hà Nội. Ở Trung Kỳ có cuộc vận động Duy Tân, hô hào thay đổi phong tục, nếp sống, kết hợp với phong trào đấu tranh chống thuế (1908). Tuy nhiên sự hạn chế trong xu hướng cải cách này, là Phan Châu Trinh không rõ bản chất đế quốc thực dân, nên chẳng khác nào đặt vận mệnh dân tộc vào sự độ lượng của Pháp “đặt vào lòng độ lượng của Pháp cái hi vọng cải tử hoàn sinh cho nước Nam...”. Phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ và Nam Kỳ sau này bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Bản thân Phan Châu Trinh sau đó cũng bị đày ra Côn Đảo.

=> Như vậy do những hạn chế về lịch sử giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết một cách chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kì phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.

Phong trào của Tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học:

Năm 1927 - 1930, Phong trào cách mạng quốc gia tư sản gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng (25/12/1927) do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Đây là tổ chức chính trị tiêu biểu nhất của khuynh hướng tư sản ở Việt Nam, tập hợp các thành phần tư sản, tiểu tư sản, địa chủ và cả hạ sĩ quan Việt Nam trong quân đội Pháp.

Về tư tưởng Việt Nam Quốc dân Đảng mô phỏng theo chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Về chính trị, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ chế độ vua quan, thành lập dân quyền, nhưng chưa bao giờ có một đường lối chính trị cụ thể, rõ ràng. Về tổ chức, Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương xây dựng các cấp từ Trung ương đến cơ sở nhưng cũng chưa bao giờ có một hệ thống tổ chức thống nhất. Ngày 9/2/1929, một số Đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng ám sát tên trùm mộ phu Bazin tại Hà Nội, thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước. Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề nhất. Trong tình thế hết sức bị động, các lãnh tụ của Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng vào một trận chiến đấu cuối cùng với tư tưởng “không thành công cũng thành nhân”.

Phong trào bị thất bại, biểu hiện tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản. Ngoài ra, trong giai đoạn này cũng nên kể đến các phong trào đấu tranh tiêu biểu khác như: Đấu tranh của Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam nghĩa đoàn,...

Phong trào của Tân Việt Cách mạng Đảng của Đào Duy Anh:

Sau phong trào bãi khóa 1927, Tân Việt mới gây dựng cơ sở tương đối vững chắc ở Huế. Nhóm Tân Việt đầu tiên ở Huế gồm: Đào Duy Anh, Võ Liêm Sơn, Trần Hữu Duẩn, Phạm Văn Đại, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn, Nguyễn Hoàng. Trong đợt khủng bố của thực dân Pháp năm 1927, hầu hết cán bộ của Tổng bộ và kỳ bộ Tân Việt bị bắt. Đảng Tân Việt ở Huế cho đến tháng 7,8/1929 hầu như tan rã.

Trong đảng Tân Việt đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai khuynh hướng tư tưởng vô sản và tư sản. Khuynh hướng vô sản đã chiến thắng với nhiều đảng viên của đảng Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Chuẩn bị cho sự thành lập của một kiểu đảng mới theo chủ nghĩa Mác- Lênin.

Tân Việt cách mạng Đảng sự ra đời đã phản ánh lòng yêu nước và nguyện vọng cứu nước của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt là những tư tưởng chiến đấu vì đất nước của tầng lớp thanh niên, trí thức tiểu tư sản Việt Nam. Với sự ra đời của cuộc cách mạng này đã để lại nhiều dấu ấn quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Một trong những vai trò quan trọng nữa là Đảng Tân Việt luôn coi trọng và quan tâm đến nhân dân, là nguồn lực chính cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tạo ra sự đoàn kết với đồng bào, dân tộc, mang lại sự ấm no, hạnh phúc. Đặc biệt là có sự lãnh đạo, những con đường sáng suốt của Nguyễn Ái Quốc đã mang lại những vẻ vang ấy.

Tuy nhiên Tân Việt cách mạng đảng cũng có những hạn chế sau đây:

- Khi mới thành lập đảng Tân Việt chưa có những tổ chức yêu nước, lập trường giai cấp nhất định.
- Bị phân hóa thành hai giai cấp là tư sản và vô sản.

- Những đảng viên tiên tiến nhất chuẩn bị chuyển sang thành lập đảng mới theo chủ nghĩa Mác- Lênin.

- Thời gian hoạt động của đảng không được lâu dài, chưa có nhiều thành quả nhất định.

Đánh giá chung:

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo lập trường tư sản, tiểu tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục sôi nổi lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản ở Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nguyên nhân thất bại:

Các phong trào và tổ chức trên, do những hạn chế về giai cấp, về đường lối chính trị; hệ thống tổ chức lại thiếu chặt chẽ, chưa tập hợp được rộng rãi lực lượng của dân tộc, nhất là chưa tập hợp được 2 lực lượng xã hội cơ bản (công nhân và nông dân) nên cuối cùng đã không thành công.

Ý nghĩa lịch sử

Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo lập trường tư sản, tiểu tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ phong trào yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên tri thức khuynh hướng tư sản, tiểu tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2.3. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc

Cả cuộc đời của Bác Hồ kính yêu là một cuộc hành trình không mệt mỏi vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Ngày 05/6/1911 đã trở thành một dấu mốc đặc biệt quan trọng, không chỉ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, mà còn đối với lịch sử của cả một dân tộc, Bác Hồ, lúc đó là người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, với tên mới là Văn Ba đã rời Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) ra đi với một hoài bão lớn, nung nấu một quyết tâm cháy bỏng đó là giành “tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”. Cuộc hành trình qua 3 đại dương, 4 châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ và gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố lớn, nhỏ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hóa đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản.

Từ đầu thế kỉ XX, dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến, chứng kiến nền độc lập của dân tộc bị xâm phạm, cảnh nhân dân ta “một cổ hai tròng” chịu nhiều lầm than, cực khổ, bị chà đạp, áp bức, bóc lột tàn bạo, đã có rất nhiều phong trào yêu nước của các văn thân sĩ phu yêu nước nổ ra như phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Yên

Thế, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh, phong trào Đông kinh nghĩa thực của Phan Bội Châu...nhưng tất cả đều thất bại.

Người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành rất ngưỡng mộ và kính trọng lòng yêu nước dũng cảm, kiên cường của các bậc tiền bối, nhưng với tấm lòng yêu nước sâu sắc, sự trăn trở về vận mệnh dân tộc, bằng sự hiểu biết của bản thân, Nguyễn Tất Thành sớm nhận ra con đường do những người đi trước mở ra sẽ không giải phóng được dân tộc mà cần thiết phải có con đường mới phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc; phải ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước độc lập phát triển như thế nào để trở về giúp đồng bào ta, đất nước ta thoát khỏi cảnh áp bức, nô lệ. Nung nấu quyết tâm đi tìm một con đường cứu nước mới, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã đi bộ từ Phan Thiết, vượt qua những khó khăn khắc nghiệt của thời tiết, nhiều khi là đi vì đói, vì mệt, vì khát để tới Sài Gòn, tìm cơ hội thực hiện ý định cháy bỏng đó. Đây chính là bước ngoặt quan trọng, một sự lựa chọn lịch sử có ý nghĩa rất quan trọng, mở đầu cho quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

Đến Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành nhanh chóng tìm được một trường kỹ thuật do Pháp quản lý, ở đó thủy thủ Việt Nam được dạy về hàng hải, về giao thông vận chuyển hàng,... Trong con mắt của các viên chức nhà trường, người thanh niên dù gầy gò, có giọng nói Trung Bộ nhưng lại tỏ ra thông minh, nói được tiếng Pháp thành thạo, có thể phù hợp để đào tạo thành một thủy thủ. Nguyễn Tất Thành phải học 3 năm để hoàn thành khóa học. Trong những ngày đó, anh thường xuyên đến bến cảng Sài Gòn. Hình ảnh những chiếc tàu neo bên làm lòng anh không yên. Và ngày 5/6/1911, trên con tàu Amiral La Touche De Tréville từ cảng Sài Gòn, tự giới thiệu là Văn Ba xin làm phụ bếp, Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc, bắt đầu cuộc hành trình 30 năm tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Vào thời điểm đó, không ai biết rằng vận mệnh của dân tộc Việt Nam đã gắn liền với quyết định ra đi của một con người mà lịch sử đã chứng tỏ là sáng suốt phi thường.

Sinh ra, lớn lên trong một gia đình nhà nho yêu nước, nơi quê hương giàu truyền thống cách mạng, chứng kiến bao cảnh đau thương nước mất, nhà tan, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân khi mới 21 tuổi. Từ lúc còn nhỏ, Người sớm được tiếp cận với các tư tưởng lớn của phương Đông, hấp thụ vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hóa phương Tây. Vốn có tư chất thông minh, tinh thần ham học hỏi, khả năng tư duy độc lập, tính ham hiểu biết và nhạy cảm với cái mới, Người bị lôi cuốn bởi khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái” và thôi thúc bởi ý định tìm hiểu “cái gì ẩn dấu sau” những từ đẹp đẽ đó ở chính nước sinh ra khẩu hiệu đó. Những tư tưởng tiến bộ của cuộc cách mạng ở Pháp năm 1789, thành tựu văn minh, tiến bộ của nhân loại ở Pháp và các nước châu Âu khác đã thúc đẩy Người muốn đến tận nơi tìm hiểu. Đó chính là những lý do Nguyễn Tất Thành quyết định chọn nước Pháp, chọn châu Âu làm điểm đến đầu tiên trong cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước năm 1911. Chính cuộc hành trình đầy gian nan, vất vả ấy đã giúp Người tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin như một lẽ tất yếu lịch sử và nhận ra ở đó con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Hành trang ban đầu của Nguyễn Tất Thành khi ra nước ngoài là vốn tri thức về văn hóa phương Đông và Phương Tây, lòng yêu nước nhiệt thành, tiếp thu có chọn lọc con đường cứu nước của các nhà yêu nước lớp trước và một dự định lớn lao, đó là “xem nước Pháp và các nước khác, sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta” đó là dự định tìm con đường cứu nước, cứu dân.

Có thể nói, đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh là một trong số rất ít các nhà cách mạng đương thời có điều kiện đi nhiều (do làm bồi tàu, thủy thủ), có một vốn hiểu biết khá tường tận về chủ nghĩa đế quốc và hệ thống thuộc địa của chúng. Gần 10 năm, vừa lao động kiếm sống, vừa tiến hành khảo sát thực tiễn nhiều nước tư bản và các nước thuộc địa, khảo sát các cuộc cách mạng ở các nước Pháp, Anh, Mỹ... Nguyễn Tất Thành đã có nhận thức quan trọng là: Cách mạng tư sản (CMTS) là những cuộc cách mạng vĩ đại, nhưng là những cuộc cách mạng chưa đến nơi. Nó đã phá tan gông xiềng phong kiến cùng những luật lệ hà khắc và những ràng buộc vô lý để giải phóng sức lao động của con người. CMTS dựng lên một chế mới tiến bộ hơn xã hội phong kiến. Nhưng cách mạng xong rồi dân chúng vẫn khổ, vẫn bị áp bức, bóc lột và vẫn ấp ủ mong muốn làm cách mạng thì không đi theo con đường cách mạng này. Nguyễn Tất Thành đã tìm ra những mặt trái của xã hội phương Tây, nhận ra “Ở đâu cũng có người nghèo khổ như xứ sở mình” do ách áp bức, bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Điều đó đã giúp Người có một nhận thức quan trọng: Nhân dân lao động trên toàn thế giới cần đoàn kết lại để đấu tranh chống kẻ thù chung là giai cấp thống trị; cùng nhau thực hiện nguyện vọng chung là độc lập, tự do.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp vào lúc vào lúc cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vừa bùng nổ thắng lợi, mở ra hướng phát triển mới trong lịch sử loài người. Sự kiện này có ảnh hưởng lớn đến tình cảm và nhận thức của Người. Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng xã hội Pháp, một chính Đảng duy nhất ở Pháp tỏ ý quan tâm đến số phận các dân tộc thuộc địa. Tuy nhiên, Nguyễn Ái Quốc thất vọng, vì họ nói rất hay, “thông qua những nghị quyết rất kêu, để sau đại hội đưa vào viện bảo tàng”.

Từ những hoạt động thực tiễn trên và đọc “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin đăng trên báo L’Humanite tháng 7/1920, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong bối cảnh lúc bấy giờ, có nhiều trí thức Việt Nam sống tại Pháp, nhưng Người đã thể hiện vượt trội về tư tưởng khi nhận ra được những bản khoán về con đường giành độc lập, tự do cho dân tộc, trả lời câu hỏi ai là người lãnh đạo, lực lượng tham gia và mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản (CMVS) ở chính quốc. Đêm kết thúc Đại hội Tours của Đảng xã hội Pháp (30/12/1920), Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế 3, đánh dấu bước ngoặt lớn trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Đây là một mốc lịch sử quan trọng trong hành trình đi tìm đường cứu nước cả Người, đánh dấu bước chuyển biến quyết định, nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người - từ một nhà yêu nước chân chính trở thành một chiến sĩ cộng sản. Đồng thời, sự kiện đó cũng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam, mở đầu quá trình kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội (CNXH), tinh thần yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Người kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Từ đây, cách mạng Việt Nam bắt đầu đi vào quỹ đạo của CMVS. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH bắt đầu hình thành.

Đầu năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, Người bắt đầu xây dựng những nhân tố bảo đảm cho cách mạng Việt Nam như: Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, khơi dậy tinh thần đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng Cộng Sản Việt Nam, phát triển lực lượng cách mạng. Các văn bản: Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt do Người dự thảo được thông

qua tại Hội nghị hợp nhất, chứng tỏ đến năm 1930, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam đã được hình thành cơ bản. Đường lối này khi được Đảng, Hồ Chí Minh truyền bá, cả dân tộc đã hưởng ứng đi theo. Đó là sự lựa chọn của chính lịch sử của toàn dân tộc Việt Nam.

Sau nhiều năm dày công chuẩn bị về chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng, đào tạo và huấn luyện cán bộ cho cách mạng Việt Nam, để chủ động đón thời cơ giải phóng dân tộc đang đến gần, ngày 28/1/1941, Người đã Vượt qua biên giới Việt - Trung, đặt chân lên mảnh đất địa cầu của Tổ quốc sau hơn 30 năm xa cách. Một trang sử mới mở ra trong cuộc đời cách mạng của Người và cũng là bước ngoặt mới cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, với học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học, Người đã đặt nền móng cho lý luận cách Việt Nam trong thời đại mới; chấm dứt khủng hoảng đường lối phát triển đúng đắn cho dân tộc, phù hợp với trào lưu tiến hóa chung của nhân loại và xu thế của thời đại. Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đã đem ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường cho phong trào yêu nước. Hồ Chí Minh, một biểu tượng sáng chói trong hai cuộc kháng chiến lừng lẫy của dân tộc chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, trong công cuộc tái thiết và phát triển của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đóng góp to lớn, thiết thực chuẩn bị cho việc mở ra một giai đoạn phát triển mới của phong trào CMVS nói chung, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới và châu Á nói riêng.

3. So sánh con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

3.1. Điểm giống nhau

Đều xuất hiện tư tưởng hướng ra nước ngoài để tìm cách cứu nước, giải phóng và giành độc lập cho dân tộc.

3.2. Điểm khác nhau và nguyên nhân

Phan Bội Châu chủ trương cầu viện Nhật Bản để đánh Pháp giành độc lập dân tộc.

Phan Châu Trinh dựa vào Pháp để đem đến sự giàu mạnh cho dân tộc

Nguyễn Ái Quốc đi ra nước ngoài, đến chính nước đế quốc đang thống trị dân tộc mình để tìm đường cứu nước. Người chọn cho mình con đường sang phương Tây, sang chính đất nước đang kim hãm, đô hộ đất nước mình, nơi có nền kinh tế, khoa học - kỹ thuật phát triển, nơi có tư tưởng “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu sâu sắc các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới. Người đề cao nhưng tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu nhưng Người cũng nhận thức rõ và phê phán bản chất không triệt để của các cuộc cách mạng tư sản.

Nếu như phần lớn những người Việt Nam xuất dương lúc bấy giờ là để tìm sự giúp đỡ của bên ngoài, cầu ngoại viện để đánh Pháp, thì Nguyễn Ái Quốc ra đi là để tìm con đường, cách thức đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào. Người

nói: “Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.”

=> *Điểm mới trong con đường cứu nước của Người: Xác định rõ không thể trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài để giành độc lập; điều cần thiết là phải dựa vào chính mình. Người quyết ra nước ngoài, cụ thể là sang phương Tây, trung tâm của nền văn minh thế giới lúc bấy giờ và cũng là quê hương của các cuộc cách mạng lớn trong lịch sử để tìm hiểu, khảo sát xem họ làm như thế nào sau đó sẽ về giúp đồng bào mình.*

Đó là một con đường đúng đắn, sáng suốt. Nó không mang tính chủ quan hay cải lương mà nó mang tính chất thời đại, chỉ có đi sâu vào tìm hiểu chính kẻ thù của mình để tìm ra điểm yếu, đúng sai, tìm ra bản chất thì mới nhận diện kẻ thù một cách chính xác nhất.

Và ở đây, Người đã bắt gặp chủ nghĩa Mác Lê nin và cuộc cách mạng tháng Mười Nga, từ đó tìm ra con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản.

4. Nhận xét, đánh giá

Vì sao con đường cứu nước của Bác Hồ là đúng đắn:

Bởi theo Người: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”. Việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản, thể hiện tầm nhìn chiến lược và phù hợp với xu thế thời đại, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân lao động. Đến thời điểm này, cách mạng vô sản là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất. Cuộc cách mạng đó không chỉ giải phóng giai cấp, mà gắn liền với nó là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội.

Cả quá trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ cũng như suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là tấm gương sáng ngời về nghị lực, ý chí vươn lên, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, không ngừng nỗ lực, phấn đấu, rèn luyện.

Thanh niên ngày nay phải luôn có ý thức tự rèn thái độ sống đúng đắn, ý chí, nghị lực vươn lên, vượt khó sáng tạo. Bối cảnh hiện nay đòi hỏi mỗi thanh niên phải luôn làm giàu cho bản thân tri thức, sức khỏe, kỹ năng, phải luôn có khát vọng vươn tới những tầm cao, nếu thỏa mãn, thanh niên sẽ sớm bị tụt hậu.

Cuộc đời của Bác còn là một tấm gương sáng ngời về tinh thần tự học tập, học tập suốt đời, vừa học tập vừa hoạt động cách mạng. Học tập để hoạt động cách mạng, đạt được mục đích, lý tưởng của mình; qua hoạt động cách mạng, không ngừng học tập, hoàn thiện tri thức và nhân cách của bản thân.

Để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sẽ còn phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đòi hỏi thanh niên phải ra sức học tập, rèn luyện, nêu cao tinh thần nghị lực và ý chí quyết tâm, không ngừng nâng cao giác ngộ lý tưởng cách mạng, để hoàn thành xuất sắc sứ mệnh vẻ vang của tuổi trẻ, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển của đất nước.